

BẢN KHAI THÔNG SỐ, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CỦA ĐỘNG CƠ

(Declaration for specification of engine)

1. Thông tin chung (General information)

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu động cơ (Mark):

Số loại (Model):

Cơ sở sản xuất, nước sản xuất (Manufacture, production country):

2. Các thông số, tính năng kỹ thuật (Main specification)

Loại (Type):

Đường kính xi lanh x hành trình piston (Bore x stroke): mm

Thể tích làm việc (Displacement): cm³ Tỷ số nén (Compression ratio):

Công suất lớn nhất/ tốc độ quay (Max. output/ rpm): kW/ r/ min

Mô men xoắn lớn nhất/ tốc độ quay (Max. torque/ rpm): N.m r/ min

Suất tiêu hao nhiên liệu nhỏ nhất (Minimum fuel consumption): g/ kW.h

Tốc độ quay không tải (idling speed rpm): r/ min

Loại nhiên liệu (Kind of fuel):

Phương thức cung cấp nhiên liệu (Fuel supply):

Loại bugi (Spark plug):

Phương thức khởi động (Starter):

Hệ thống làm mát (Cooling system):

Ly hợp (Clutch type):

Điều khiển ly hợp (Clutch control):

Hộp số (Gearbox type):

Điều khiển hộp số (Gearbox control):

(Place and Date), ngày tháng năm
Đại diện Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
(Importer)